

Luật số: /2025/QH

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**DỰ KIẾN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
LUẬT LUẬT SƯ (THAY THẾ)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Luật sư (thay thế).*

CHƯƠNG I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

- Kế thừa Điều 1 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Quy định, làm rõ các khái niệm về Luật sư, Luật sư tập sự, dịch vụ pháp lý của luật sư, hỗ trợ pháp lý, trợ giúp pháp lý, kinh doanh dịch vụ pháp lý, tư vấn pháp luật, dịch vụ pháp lý khác...

Điều 3. Nhận và thực hiện vụ, việc của khách hàng

- Bỏ khoản 3, đồng thời kế thừa Điều 24 của Luật Luật sư hiện hành.

Điều 4. Bí mật thông tin

- Kế thừa Điều 25 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 5. Thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý

- Quy định tất cả các trường hợp luật sư thực hiện cung cấp dịch vụ pháp lý có thu phí phải ký hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Đối với việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí, trợ giúp pháp lý, tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng phải có văn bản thỏa thuận với khách hàng về cung cấp dịch vụ pháp lý.

Điều 6. Nguyên tắc hành nghề luật sư

Quy định nguyên tắc hành nghề luật sư Việt Nam và nguyên tắc hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam trên cơ sở kế thừa và điều chỉnh Điều 5 của Luật Luật sư hiện hành.

Điều 7. Nguyên tắc quản lý luật sư và hành nghề luật sư

- Bỏ khoản 1, khoản 2 của Điều 6 của Luật Luật sư hiện hành và quy định theo hướng:

Nhà nước thống nhất quản lý về luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của Luật này.

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư là Đoàn Luật sư ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thực hiện tự quản theo quy định của pháp luật, dưới sự quản lý của nhà nước.

CHƯƠNG II

LUẬT SƯ VIỆT NAM, HOẠT ĐỘNG HÀNH NGHỀ CỦA LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VIỆT NAM

Mục 1 LUẬT SƯ

Điều 8. Tiêu chuẩn luật sư

- Kế thừa Điều 10 Luật Luật sư hiện hành.
- Bổ sung tiêu chuẩn về tư tưởng, bản lĩnh nghề nghiệp đối với luật sư.
- Bổ sung quy định, giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chuẩn luật sư.

Điều 9. Chức năng xã hội của luật sư

- Kế thừa quy định tại Điều 3 của Luật Luật sư hiện hành
- Điều chỉnh chức năng của luật sư trong việc bảo vệ “các quyền tự do, dân chủ của công dân” thành “bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân”.
- Bổ sung chức năng của luật sư trong việc bảo vệ “pháp chế xã hội chủ nghĩa”.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Kế thừa Điều 9 Luật Luật sư hiện hành.
- Bổ sung quy định Luật sư không được kiêm nhiệm một số nghề bổ trợ khác (công chứng, thừa phát lại, đấu giá...)
- Bổ sung quy định những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề luật sư thì không được cung cấp dịch vụ pháp lý.

Điều 11. Điều kiện hành nghề luật sư

- Sửa đổi theo hướng người có đủ tiêu chuẩn trở thành luật sư, muốn được hành nghề luật sư phải có Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Điều 12. Đào tạo nghề luật sư

- Kế thừa Điều 12 Luật Luật sư hiện hành.
- Bổ sung quy định cơ sở đào tạo nghề luật sư là cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 13. Người được miễn, giảm đào tạo nghề luật sư

- Rà soát để bổ sung một số đối tượng được giảm thời gian đào tạo nghề luật sư (chấp hành viên thanh tra viên trong lĩnh vực pháp luật, trợ giúp viên pháp lý); nâng cao điều kiện được miễn đào tạo nghề luật sư nhằm nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn trở thành luật sư theo hướng, những người nguyên là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên... muốn trở thành luật sư phải có thời gian giữ chức danh nêu trên ít nhất 01 nhiệm kỳ (05 năm) và phải qua thời gian đào tạo nghề luật sư từ 3-6 tháng.

Điều 14. Tập sự hành nghề luật sư

Mở rộng và quy định cụ thể hơn về các công việc Luật sư tập sự được làm (được thực hiện tư vấn pháp luật; tham gia tố tụng cấp huyện).

Điều 15. Kỳ thi luật sư quốc gia

Quy định về việc tổ chức kỳ thi quốc gia để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Điều 16. Người được miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư

- Phương án 1: Quy định về đối tượng được miễn, giảm tập sự hành nghề luật sư.

- Phương án 2: Tất cả các đối tượng phải tập sự hành nghề luật sư, không được miễn.

Điều 17. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

- Sửa đổi để phù hợp, tương thích với quy định về tổ chức kỳ thi quốc gia để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

- Quy định, tất cả hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ gửi về Sở Tư pháp nơi thường trú thay vì phân loại và gửi về Sở Tư pháp hoặc Đoàn Luật sư như Luật Luật sư hiện hành. Giám đốc khâu trung gian (Đoàn Luật sư) tiếp nhận thủ tục hành chính đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

- Quy định rõ thời hạn có hiệu lực của Phiếu Lý lịch tư pháp là 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; điều chỉnh thời hạn thẩm tra hồ sơ để đảm bảo khả thi; bổ sung quy định luật sư không kiêm nhiệm một số nghề hỗ trợ tư pháp khác.

- Bổ sung quy định Chứng chỉ hành nghề luật sư có thời hạn 05 hoặc 10 năm và có thể được xem xét gia hạn/cấp lại khi đủ điều kiện quy định.

- Bổ sung một số trường hợp không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, luật hóa các quy định tại Nghị định 137/2018/NĐ-CP.

Điều 18. Thu hồi, đình chỉ hiệu lực Chứng chỉ hành nghề luật sư

- Bổ sung căn cứ thu hồi hoặc đình chỉ hiệu lực của Chứng chỉ trong một số trường hợp (luật sư bị khởi tố, trong quá trình bị điều tra...).

Điều 19. Cấp lại, cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư

- Bổ sung các trường hợp cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư (mất, rách, cháy, hư hỏng ...) để tạo điều kiện và cơ sở pháp lý cho những đối tượng thuộc trường hợp này, đồng thời giảm bớt hồ sơ, thủ tục hành chính; quy định việc cấp, đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư khi hết thời hạn 05 hoặc 10 năm để sàng lọc đội ngũ luật sư khi trong thời gian hành nghề có những hành vi vi phạm hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của Luật, thủ tục bảo đảm nhanh, gọn.

Điều 20. Gia nhập Đoàn Luật sư

- Sửa đổi thời điểm gia nhập Đoàn Luật sư khi đăng ký tập sự (trở thành Luật sư tập sự) thay vì thời điểm sau khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư như Luật Luật sư hiện hành.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của luật sư

- Bổ sung một số trách nhiệm xã hội, trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư.
- Bổ sung quyền, nghĩa vụ của luật sư trong việc tham gia bồi dưỡng về tư tưởng, lý luận chính trị, đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hành nghề.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG HÀNH NGHỀ CỦA LUẬT SƯ

Điều 22. Phạm vi hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 22 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 23. Hình thức hành nghề của luật sư

- Làm rõ, luật sư chỉ được lựa chọn 1 trong 3 hình thức hành nghề đó là thành lập/tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư hoặc làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân.

- Bổ sung hình thức luật sư ký hợp đồng lao động dài hạn làm việc tại cơ quan nhà nước, pháp chế doanh nghiệp nhà nước.

Điều 24. Hoạt động tham gia tố tụng của luật sư

- Sửa đổi để phù hợp, tương thích với pháp luật về tố tụng hiện hành.

Điều 25. Hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư

- Cơ bản kế thừa Điều 28 Luật Luật sư hiện hành và chỉnh sửa cho sát thực tế.

Điều 26. Hoạt động đại diện ngoài tố tụng của luật sư

- Cơ bản kế thừa Điều 29 Luật Luật sư hiện hành và chỉnh sửa cho sát thực tế.

Điều 27. Hoạt động dịch vụ pháp lý khác của luật sư

- Quy định rõ nội hàm “dịch vụ pháp lý khác”, việc “xác nhận giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật”.

Điều 28. Hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư

- Cơ bản kế thừa Điều 31 Luật Luật sư hiện hành và chỉnh sửa cho sát thực tế.

Mục 3

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 29. Hình thức tổ chức hành nghề luật sư, điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư

- Bổ sung, quy định rõ tổ chức hành nghề luật sư gồm cả chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư.

- Quy định tổ chức hành nghề luật sư luật sư có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật để tương thích với Bộ luật Dân sự (Điều 137), Luật Doanh nghiệp (Điều 12).

- Bổ sung quy định Giám đốc Công ty luật, Trưởng Văn phòng luật sư chỉ được đồng thời làm Trưởng 01 Chi nhánh Công ty luật, Văn phòng luật sư trong cùng một thời điểm.

- Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, bãi bỏ điều kiện của luật sư khi thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm hành nghề.

Điều 30. Văn phòng luật sư

- Cơ bản kế thừa Điều 33 Luật Luật sư hiện hành, đồng thời làm rõ hơn địa vị pháp lý là doanh nghiệp tư nhân hay không để tránh bất cập trên thực tế.

Điều 31. Công ty luật

- Cơ bản kế thừa Điều 34 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 32. Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 35 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 33. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Bổ sung quy định về trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

- Bổ sung trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

Điều 34. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 37 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 35. Công bố nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 38 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 36. Quyền của tổ chức hành nghề luật sư

- Sửa đổi các quy định về quyền của tổ chức hành nghề luật sư bảo đảm tương đồng với quy định của pháp luật về doanh nghiệp (thay đổi trụ sở).

Điều 37. Nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 40 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 38. Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

- Bổ sung trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

- Bổ sung quy định tổ chức hành nghề luật sư có thể ký hợp đồng lao động với một luật sư làm Trưởng chi nhánh của tổ chức hành nghề (tương thích với Luật Doanh nghiệp).

- Bổ sung quy định một luật sư chỉ được làm Trưởng 01 Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 39. Văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 42 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 40. Đặt cơ sở hành nghề luật sư ở nước ngoài

- Kế thừa Điều 43 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 41. Cử luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý ở nước ngoài

- Kế thừa Điều 44 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 42. Hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 45 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 43. Tạm ngừng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Bổ sung quy định về việc tổ chức hành nghề luật sư được tạm ngừng hoạt động không quá 02 lần. Trong trường hợp tạm dừng hoạt động sẽ bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động.

Điều 44. Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Bổ sung trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ đề nghị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp chấm dứt hoạt động.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư

- Bổ sung trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ đề nghị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp chấm dứt hoạt động.

Mục 4

HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN

Điều 46. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân

- Bổ sung quy định về Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc tại các Trung tâm tư vấn pháp luật được cung cấp dịch vụ pháp lý cho cá nhân, cơ quan, tổ chức khác ngoài Trung tâm tư vấn mình đã ký hợp đồng lao động.

Điều 47. Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân

- Kế thừa Điều 50 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 48. Thay đổi, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân

- Kế thừa Điều 51 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động

- Kế thừa Điều 53 Luật Luật sư hiện hành.

Mục 5

LUẬT SƯ LÀM VIỆC CHO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 50. Luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước

- Bổ sung quy định về Luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước để bảo vệ lợi ích công theo hình thức hợp đồng lao động.

Điều 51. Đăng ký hành nghề luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước

- Quy định luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp.

Điều 52. Thay đổi, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hành nghề luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước

- Quy định thay đổi, cung cấp thông tin liên quan đến luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước.

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước

- Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của luật sư làm việc cho cơ quan nhà nước

CHƯƠNG III

THÙ LAO VÀ CHI PHÍ; TIỀN LƯƠNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

- Kế thừa các quy định của Chương IV của Luật Luật sư hiện hành (06 Điều, từ Điều 54 đến Điều 59)

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ**Mục 1****TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ
Ở TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG****Điều 60. Đoàn Luật sư**

- Bổ sung quy định về mối quan hệ giữa tổ chức hành nghề luật sư và Đoàn Luật sư.

Điều 61: Thành lập, giải thể Đoàn Luật sư

- Quy định về điều kiện thành lập; các trường hợp giải thể Đoàn Luật sư.

Điều 62. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư

- Rà soát, bổ sung hoặc bãi bỏ một số nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư để bảo đảm các quyền, nghĩa vụ khả thi trên thực tế, phù hợp với điều kiện, năng lực thực hiện của Đoàn Luật sư, chỉ đạo của Đảng; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trong một số trường hợp.

Điều 63. Các cơ quan của Đoàn Luật sư

- Kế thừa Điều 62 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 64. Đại hội Đoàn Luật sư

- Quy định về các quy trình, thủ tục và các vấn đề liên quan đến Đại hội Đoàn Luật sư.

Mục 2**TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP TOÀN QUỐC CỦA LUẬT SƯ****Điều 65. Liên đoàn Luật sư Việt Nam**

- Bổ sung quy định về mối quan hệ giữa tổ chức hành nghề luật sư và Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Điều 66: Thành lập, giải thể Liên đoàn Luật sư Việt Nam

- Quy định về điều kiện thành lập; các trường hợp giải thể Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Điều 67. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn Luật sư Việt Nam

- Rà soát, bổ sung hoặc bãi bỏ một số nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn Luật sư Việt Nam để bảo đảm các quyền, nghĩa vụ khả thi trên thực tế, phù hợp với điều kiện, chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, chỉ đạo của Đảng; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trong một số trường hợp.

Điều 68. Các cơ quan của Liên đoàn Luật sư Việt Nam

- Kế thừa Điều 66 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 69. Điều lệ của Liên đoàn Luật sư Việt Nam

- Sửa đổi quy định Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 70. Đại hội Liên đoàn Luật sư Việt Nam

- Quy định về các quy trình, thủ tục và các vấn đề liên quan đến Đại hội Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

CHƯƠNG V

HÀNH NGHỀ CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI, LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Mục 1

HÀNH NGHỀ CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 71. Điều kiện hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài

- Bổ sung quy định các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài muốn thành lập tại Việt Nam phải có ít nhất 10 năm hoạt động tại nước ngoài và có uy tín, thương hiệu.

- Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong việc yêu cầu về điều kiện hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài là “cam kết và bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cam kết và bảo đảm có ít nhất hai luật sư nước ngoài, kể cả Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài có mặt và hành nghề tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục mười hai tháng”. Quy định mới theo hướng tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài chỉ cần bảo đảm trên thực tế về các điều kiện nêu trên.

- Bổ sung các quy định luật sư Việt Nam được giao là người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoặc được phát triển là luật sư thành viên của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thì sẽ được giảm tương ứng điều kiện về bảo đảm có tối thiểu 02 luật sư nước ngoài có mặt và hành nghề 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục 12 tháng (VD: điều kiện nhân sự cần thiết để thành lập là 01 luật sư nước ngoài và 01 LS Việt Nam).

Điều 72. Hình thức hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài

- Kế thừa Điều 69 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 73. Phạm vi hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài

- Kế thừa Điều 71 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 74. Chi nhánh

- Bổ sung quy định rõ một luật sư nước ngoài chỉ được làm Trưởng 01 Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 75. Công ty luật nước ngoài

- Bổ sung quy định Giám đốc công ty luật nước ngoài chỉ được đồng thời làm Trưởng 01 Chi nhánh của Công ty luật nước ngoài trong cùng một thời điểm.

Điều 76. Quyền, nghĩa vụ của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

- Bổ sung nghĩa vụ thông báo của chi nhánh, công ty luật nước ngoài về việc ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với luật sư nước ngoài làm việc tại tổ chức mình, chi nhánh do mình thành lập.

- Bổ sung nghĩa vụ Công ty luật nước ngoài phải chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài (đưa nội dung này từ Điều 81 của Luật Luật sư hiện hành lên để bảo đảm thống nhất, dễ thực hiện).

Mục 2

HÀNH NGHỀ CỦA LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 77. Điều kiện hành nghề của luật sư nước ngoài

- Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng bãi bỏ điều kiện hành nghề của luật sư nước ngoài phải có “cam kết tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam”. Quy định mới theo hướng luật sư nước ngoài chỉ cần bảo đảm trên thực tế điều kiện nêu trên.

Điều 78. Hình thức hành nghề của luật sư nước ngoài

- Kế thừa Điều 75 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 79. Phạm vi hành nghề của luật sư nước ngoài

- Kế thừa Điều 76 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của luật sư nước ngoài

- Kế thừa Điều 77 Luật Luật sư hiện hành.

Mục 3

**THỦ TỤC CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHI NHÁNH,
CÔNG TY LUẬT NƯỚC NGOÀI, LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI**

Điều 81. Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài

- Kế thừa Điều 78 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 82. Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

- Kế thừa Điều 79 Luật Luật sư hiện hành.

Điều 83. Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

- Bổ sung quy định về thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

- Bổ sung quy định cấp lại Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp chi nhánh, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, căn cứ cấp lại Giấy phép hoạt động của cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài (đổi thông tin về quốc tịch của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, thông tin về công ty mẹ ở nước ngoài và các thông tin khác).

Điều 84. Chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

- Kế thừa Điều 81 Luật Luật sư hiện hành.

- Bổ sung quy định về việc một luật sư nước ngoài chỉ được làm Trưởng 01 Chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

- Luật hóa thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam tại Điều 37 của Nghị định số 137/2018/NĐ-CP.

Điều 85. Tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

- Luật hóa quy định về tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài từ Nghị định số 137/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định về các trường hợp tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục tạm ngừng

hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 86. Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, Chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

- Quy định về thu hồi Giấy phép hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp không đăng ký hoạt động trong thời hạn quy định.

Điều 87. Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài

- Sửa đổi quy định về “Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư” trong hồ sơ cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam thành “Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc Bản sao Thẻ luật sư hoặc Giấy tờ chứng minh tư cách luật sư nước ngoài tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam”.

- Bổ sung giấy tờ chứng minh tư cách luật sư của luật sư nước ngoài tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép, gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam.

- Sửa đổi quy định hồ sơ gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam được gửi đến Bộ Tư pháp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi Giấy phép hết thời hạn, Bộ Tư pháp xem xét, gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài.

- Luật hóa quy định cấp lại Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài từ Khoản 2 Điều 6 về; Khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp.

CHƯƠNG VI

QUẢN LÝ LUẬT SƯ VÀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 88. Trách nhiệm quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 83 Luật Luật sư hiện hành, đồng thời bổ sung trách nhiệm Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư có trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc xem xét, đình chỉ tư cách Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, thành viên Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam khi có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, làm mất uy tín, ảnh hưởng nghiêm trọng hoạt động bình thường của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc thành lập Hội đồng thi quốc gia để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

- Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc thanh tra, kiểm tra các tổ chức không phải tổ chức hành nghề luật sư nhưng kinh doanh dịch vụ pháp lý.

- Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện kiểm tra về tổ chức và hoạt động của luật sư trên địa bàn.

- Bổ sung việc xây dựng chính sách hỗ trợ về thuê đất đối với tổ chức hành nghề luật sư vùng sâu vùng xa.

- Rà soát, bổ sung quy định, nhà nước có chính sách hỗ trợ việc đào tạo, bồi dưỡng luật sư để phục vụ hội nhập quốc tế

- Bổ sung quy định nhà nước có chính sách hỗ trợ về cơ sở vật chất cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư để thực hiện tốt nhiệm vụ tự quản (Điều 83).

Điều 89. Trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thực hiện tự quản luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của Luật này và Điều lệ của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thực hiện quản lý luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của Luật này.

CHƯƠNG VII

XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mục 1

XỬ LÝ KỶ LUẬT LUẬT SƯ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 90. Xử lý kỷ luật đối với luật sư

- Kế thừa Điều 85 của Luật Luật sư hiện hành.

Điều 91. Khiếu nại quyết định kỷ luật luật sư

- Bổ sung thẩm quyền của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư trong việc giải quyết khiếu nại lần đầu của luật sư.

- Quy định, trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư, luật sư có quyền khiếu nại đến Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, không quá sáu mươi ngày đối với vụ việc phức tạp. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là quyết định giải quyết cuối cùng.

Bộ Tư pháp quyết định việc xem xét, giải quyết lại Quyết định giải quyết khiếu nại của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam khi có căn cứ hoặc

phát hiện Quyết định giải quyết khiếu nại gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của luật sư; vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại; sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

Điều 92. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn Luật sư Việt Nam

- Bổ sung thời hạn giải quyết khiếu nại của Bộ Tư pháp đối với vụ việc phức tạp là không quá sáu mươi ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Điều 93. Giải quyết tranh chấp

- Kế thừa Điều 87 của Luật Luật sư hiện hành.

Mục 2

XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 94. Xử lý vi phạm đối với luật sư

- Kế thừa Điều 89 của Luật Luật sư hiện hành.

Điều 95. Xử lý vi phạm đối với tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

- Kế thừa Điều 90 của Luật Luật sư hiện hành.

Điều 96. Xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư

- Kế thừa Điều 91 của Luật Luật sư hiện hành.

Điều 97. Xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức hành nghề luật sư bất hợp pháp

- Kế thừa Điều 87 của Luật Luật sư hiện hành.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 98. Điều khoản chuyển tiếp

- Kế thừa Nghị quyết số 65/2006/NQ-QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội về việc thi hành Luật Luật sư theo hướng, trong thời hạn sáu tháng, cá nhân, tổ chức đang kinh doanh dịch vụ pháp lý phải có đủ các điều kiện hành nghề luật sư và phải thành lập tổ chức hành nghề luật sư, đăng ký hành nghề theo quy định của Luật này; nếu không thực hiện sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 99. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội, Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 100. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

